TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày 15 - 6 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ái Vy**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Ông **Nguyễn Phương Tuyến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Ông Võ Thượng M - sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 7 Lô 4 HHT, phường X, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh T - sinh năm 1953.

Địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền số 9070 ngày 19/12/2020).

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành V - sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh T trình bày: Ngày 17/7/2019, ông Võ Thượng M có cho ông Nguyễn Thành V vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật. Hai bên xác lập "Hợp đồng vay tài sản" có biện pháp bảo đảm ngày 17/7/2019 tại Văn phòng công chứng A, ông V đã giao cho ông Võ Thượng M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS00078 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày

31/12/2015 và đã được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Thành V ngày 03/02/2016. Đến hết thời hạn vay nói trên, ông M đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V hứa hẹn nhiều lần không trả. Nay ông M yêu cầu ông V trả tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày 16/11/2020 (là 15 tháng) với mức lãi suất 1,66%/tháng (300.000.000đ x 1,66%/tháng x 15 tháng = 74.700.000đ tiền lãi), tổng cộng là 374.700.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 08/4/2021, bị đơn ông Nguyễn Thành V trình bày: Ông V thừa nhận ngày 17/7/2019 có ký hợp đồng với ông Võ Thượng M để vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng theo "Hợp đồng vay tài sản" lập ngày 17/7/2019 có công chứng tại Văn phòng công chứng A. Để đảm bảo cho khoản vay, ông V có giao cho ông Võ Thượng M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS00078 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 31/12/2015 và đã được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Thành V ngày 03/02/2016. Tuy nhiên, nội dung trong hợp đồng ông V không được đọc và trong hợp đồng thể hiện lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng thực tế giữa ông V và ông M không có việc thỏa thuận về lãi suất. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông V không đủ khả năng trả nợ cho ông M theo như thỏa thuận đã ký kết. Nay ông Võ Thượng M yêu cầu ông V trả số tiền nợ là 374.700.000 đồng (trong đó tiền gốc: 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ 17/7/2019 đến ngày 16/11/2020 là: 74.700.000 đồng) thì ông V chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, đối với số tiền lãi thì ông V không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần yêu cầu trả tiền lãi; hiện nay nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi suất chậm trả đối với số tiền vay gốc 300.000.000 đồng từ ngày 18/12/2019 đến ngày 15/6/2021 là 17 tháng 27 ngày nhưng làm tròn là 17 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng (300.000.000đ x 0,83%/tháng x 17 tháng = 42.330.000đ tiền lãi). Tổng cộng số tiền ông M yêu cầu ông V phải trả là 342.330.000 đồng (tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 42.330.000 đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Thành V vắng mặt tại phiên tòa không có lí do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thành V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Võ Thượng M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành V phải trả số tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 42.330.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ

pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về việc nguyên đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu tiền lãi. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 17/7/2019, nguyên đơn ông Võ Thượng M có cho bị đơn ông Nguyễn Thành V vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hai bên có lập "Hợp đồng vay tài sản", lãi suất do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng A. Quá thời hạn vay nói trên, ông M đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V không thực hiện. Vì vậy, ông M yêu cầu ông V trả số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 18/12/2019 đến ngày 15/6/2021 là 17 tháng với lãi suất 0,83%/tháng (300.000.000đ x 0,83%/tháng x 17 tháng = 42.330.000đ tiền lãi). Tổng cộng số tiền là 342.330.000 đồng.

[5] Xét Hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa ông Võ Thượng M và ông Nguyễn Thành V trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa các bên phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Việc bị đơn cố tình không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Xét mức lãi suất 0,83%/tháng của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả trên số tiền gốc chậm trả: Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 về lãi suất và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm trả với số tiền 42.330.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất do ông Nguyễn Thành V đứng tên hiện ông Võ Thượng M đang giữ và các bên tự nguyện thỏa thuận việc vay tài sản có biện pháp bảo đảm đã được công chứng tại Văn phòng công chứng A. Vì vậy, sau khi ông Nguyễn Thành V trả hết khoản tiền nêu trên thì ông Võ Thượng M phải trả lại cho ông V 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS00078 do Sở tài nguyên môi trường cấp ngày 31/12/2015 và đã được chỉnh lý sang tên cho ông Nguyễn Thành V ngày 03/02/2016 (theo Hợp đồng vay tài sản có thế chấp tài sản lập ngày 17/7/2019 tại Văn phòng công chứng A).

[8] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Thành V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (342.330.000đ x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Thành V phải trả cho ông Võ Thượng M số tiền 342.330.000đ *(Ba trăm bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)*, trong đó tiền gốc 300.000.000đ *(Ba trăm triệu đồng)* và tiền lãi 42.330.000đ *(Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thành V nộp 17.116.500đ *(Mười bảy triệu một trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Thượng M 11.600.000đ *(Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sợ sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004725 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hiến **Lê Thị Hoa** **Đặng Thị Ái Vy**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Chuyển **Nguyễn Thị Hoa** **Đặng Thị Ái Vy**